

XX. PHẨM TAMĀLAPUPPHIYA (*TAMĀLAPUPPHIYAVAGGO*)

191. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TAMĀLAPUPPHIYA (*Tamālapupphiyattherāpadānaṃ*)

2214. Tòa lầu đài với tám mươi bốn ngàn cột trụ làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra cho tôi, tựa như [phép màu do] cây như ý của chư thiên.

2215. Với tâm ý trong sạch, tôi đã cầm lấy bông hoa tamāla và đã dâng lên đức Phật Sikhi, là đấng Quyền Thuộc Của Thế Gian.

2216. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2217. Trước đây hai mươi kiếp, chỉ một mình [tôi] có tên Candatitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tamālapupphiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tamālapupphiya” là phần thứ nhất.

192. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASANTHARADĀYAKA (*Tiṇasantharadāyakattherāpadānaṃ*)

2219. Cỏ mà vị Ân sĩ sống ở trong rừng [đã] cắt cho bậc Đạo Sư, tất cả cỏ ấy đã ngã xuống ở trên mặt đất, nghiêng về phía phải.

2220. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cỏ ấy và đã trải ra ở phần cao nhất của mặt đất. Và tôi đã mang lại chỉ ba lá cây thốt nốt.

2221. Sau khi làm mái che bằng cỏ, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha. Chư thiên và nhân loại đã duy trì [mái che] cho bậc Đạo Sư ấy trong bảy ngày.

2222. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cỏ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cỏ.

2223. Trước đây sáu mươi lăm kiếp, bốn vị [cùng] tên Mahaddhana đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

¹ *Tamālapupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tamāla.”

2224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão *Tiṇasantharadāyaka*² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão *Tiṇasantharadāyaka*” là phần thứ nhì.

193. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHANḌAPHULLIYA

(Khaṇḍaphulliyattherāpadānaṃ)

2225. Lúc bấy giờ, ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Phussa ở trong khu rừng bao la đã bị phá sập bởi các con voi, có cây cối đã mọc lên ở nơi ấy.

2226. Được vui lòng với các đức hạnh của bậc Thầy của tam giới ấy, tôi đã san bằng chỗ lồi lõm và đã dâng cúng khối vôi bột.

2227. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khối vôi bột.

2228. [Trước đây] bảy mươi bảy kiếp, mười sáu vị [cùng] tên Jitasena đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2229. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão *Khaṇḍaphulliya* đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão *Khaṇḍaphulliya*” là phần thứ ba.

194. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ASOKAPŪJAKA

(Asokapūjakattherāpadānaṃ)

2230. Lúc bấy giờ, ở thành phố *Tīvarā* đáng yêu đã có khu vườn thượng uyển. Ở tại nơi ấy, tôi đã là người giữ vườn, có sự sinh hoạt gắn bó với đức vua.

2231. Đấng Tự Chủ tên *Paduma* đã là vị có hào quang. Khi bậc Hiền Trí ấy ngồi ở nơi cây sen trắng, bóng râm đã không rời khỏi Ngài.

2232. Sau khi nhìn thấy cây *asoka* đã được trở hoa, nặng trĩu từng chùm, có dáng nhìn xinh đẹp, tôi đã dâng lên đức Phật có tên là *Padumuttara*.

2233. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2234. Trước đây ba mươi bảy kiếp, mười sáu vị [cùng tên] *Aruṇañjaha* đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2235. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

² *Tiṇasantharadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) tâm thầm (*santhara*) bằng cỏ (*tiṇa*).”

Đại đức Trưởng lão Asokapūjaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Asokapūjaka” là phần thứ tư.

195. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AÑKOLAKA (*Añkolakattherāpadānaṃ*)

2236. Sau khi nhìn thấy cây añkola với chùm hoa cao quý có lớp vỏ bọc đã được trở hoa, tôi đã hái xuống bông hoa ấy và đã đi đến gặp đức Phật.

2237. Vào thời điểm ấy, bậc Đại Hiền Trí Siddhattha có sự ẩn cư. Sau khi bày tỏ sự tôn kính trong chốc lát, tôi đã rải rắc bông hoa ở nơi hang động.

2238. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2239. Trước đây ba mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị Devagajjita độc nhất, là đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Añkolaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Añkolaka” là phần thứ năm.

196. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KISALAYAPŪJAKA

(*Kisalayapūjakattherāpadānaṃ*)

2241. Tôi đã có một vườn hoa ở thành phố Dvāravatī. Và có giếng nước ở ngay tại nơi ấy là nguồn cung cấp [nước] cho các loài thực vật.

2242. Có lòng thương tưởng đến tôi, vị Siddhattha không bị đánh bại ấy, được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, đi đến ở trên không trung.

2243. Tôi không nhìn thấy bất cứ vật nào khác đáng để cúng dường đến bậc Đại Ân Sĩ. Sau khi nhìn thấy chồi non của cây asoka, tôi đã thấy [chồi non ấy] lên không trung.

2244. Trong khi đức Phật đang di chuyển, các chồi non ấy đi theo phía sau của Ngài. Tôi đây sau khi đã nhìn thấy thần thông ấy [đã tán dương rằng]: “Ôi, tính chất cao thượng của đức Phật!”

2245. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên chồi non trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2246. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị Ekassara độc nhất, là đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2247. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

³ *Asokapūjaka* nghĩa là “vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa asoka.”

⁴ *Añkolaka* nghĩa là “vị có bông hoa añkola.”

Đại đức Trưởng lão Kisalayapūjaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kisalayapūjaka” là phần thứ sáu.

197. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKADĀYAKA

(Tindukadāyakattherāpadānaṃ)

2248. Tôi đã là con khỉ có sức mạnh và nhanh nhẹn, thường lai vãng ở nơi hiểm trở của ngọn núi. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

2249. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã lìa khỏi [chỗ ngụ] vài ngày và đã xem xét đáng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha, bậc đã đi đến tận cùng ba cõi.

2250. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đáng Vô Thượng Ở Thế Gian cùng với một ngàn bậc Vô lậu đã đi đến gần tôi.

2251. Sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đi đến gần, có trái cây ở tay. Đức Thế Tôn, đáng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã thọ nhận.

2252. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2253. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị có tên Upananda, là đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2254. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tindukadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tindukadāyaka” là phần thứ bảy.

198. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MUṬṬHIPŪJAKA

(Muṭṭhipūjakattherāpadānaṃ)

2255. Vì lòng thương tưởng hậu thế, đức Thế Tôn tên Sumedha, đáng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, đáng Chiến Thắng đã ra sức nỗ lực.

2256. Trong khi bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy đang đi kinh hành, tôi đã dâng lên đức Phật nắm tay gồm những bông hoa girinela.

2257. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không bị dọa vào khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp.

2258. Trong hai ngàn ba trăm kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Sunela, là người độc nhất được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2259. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁵ Kisalayapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) các chồi non (kisalaya).”

⁶ Tindukadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây tinduka.”

Đại đức Trưởng lão Muṭṭhipūjaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Muṭṭhipūjaka” là phần thứ tám.

199. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṆKAṆIPUPPHIYA *(Kiṇkaṇipupphiyattherāpadānaṃ)*

2260. Đấng Tự Chủ tên Sumaṅgala, bậc Không Bị Đánh Bại, đấng Chiến Thắng đã rời khỏi khu rừng bao la và đã đi vào thành phố.

2261. Sau khi thực hành việc đi khát thực, bậc Hiền Trí đã lìa khỏi thành phố. Có phận sự đã được làm xong, bậc Toàn Giác ấy đã cư ngụ ở trong khu rừng.

2262. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiṇkaṇi và đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ân Sĩ.

2263. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2264. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị tên Apilāpiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2265. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṇkaṇipupphiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kiṇkaṇipupphiya” là phần thứ chín.

200. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA *(Yūthikāpupphiyattherāpadānaṃ)*

2266. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiên Cúng, bậc Hữu Nhân đã rời khỏi khu rừng bao la và đã đi đến trú xá.

2267. Sau khi cầm lấy bông hoa yūthika tôi thượng bằng cả hai tay, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc có tâm từ ái như thế ấy.

2268. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu và đã không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2269. Trước đây năm mươi kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Samittanandana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2270. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Yūthikāpupphiya” là phần thứ mười.

⁷ Muṭṭhipūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) nắm (muṭṭhi) bông hoa.”

⁸ Kiṇkaṇipupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) kiṇkaṇi.”

⁹ Yūthikāpupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) yūthikā.”

Phần tóm lược

Vị có bông hoa tamāla, thăm trải bằng cỏ, vị khám phá sự đổ vỡ, vị liên quan đến bông hoa asoka, vị có bông hoa añkola, chồi non, trái cây tinduka, các bông hoa nela, vị có bông hoa kiṅkaṇi, vị có bông hoa yūthikā; [tổng cộng] có năm mươi tám câu kệ.

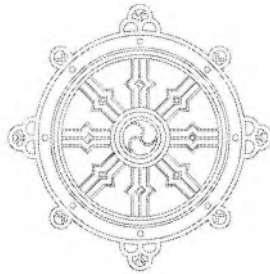
Phẩm Tamālapupphiya là phẩm thứ hai mươi.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Vị dâng cúng thức ăn, [vị có] đoàn tùy tùng, bông hoa sereyya, Trưởng lão Sobhita là tương tự, vị có chiếc lọng che, bông hoa bandhujīva, vị có sự phục vụ khéo léo, bông hoa kumuda, bông hoa kuṭaja và luôn cả vị có bông hoa tamāla đã được thực hiện là thứ mười. Có sáu trăm câu kệ và sáu mươi sáu câu thêm vào đó.

Nhóm “Mười” từ phẩm Bhikkhā.

Nhóm “Một trăm” thứ nhì được đầy đủ.



XXI. PHẨM KANĪKĀRAPUPPHIYA (KANĪKĀRAPUPPHIYAVAGGO)

201. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KANĪKĀRAPUPPHIYA (*Kaṇikārapupphiyattherāpadānaṃ*)

2271. Sau khi nhìn thấy cây kaṇikāra đã được trở hoa, khi ấy tôi đã hái xuống [bông hoa] và đã dâng lên [đức Phật] Tissa, bậc đã vượt qua dòng lũ như thế ấy.

2272. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2273. Trước đây ba mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị nổi danh tên Aruṇapāṇī, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2274. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Kaṇikārapupphiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kaṇikārapupphiya” là phần thứ nhất.

202. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MINELAPUPPHIYA (*Minelapupphiyattherāpadānaṃ*)

2275. Đức Thế Tôn Sikhī hùng tráng có màu da vàng chói, có trăm ánh hào quang, có sự huy hoàng, có tâm từ ái, đã bước lên con đường kinh hành.

2276. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, sau khi đánh lễ bậc có trí tuệ tối thượng, tôi đã cầm lấy bông hoa minela và đã dâng lên đức Phật.

2277. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2278. Vào kiếp [thứ] hai mươi chín, [tôi đã là] vị tên Sumedhayasa, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2279. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Minelapupphiya² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Minelapupphiya” là phần thứ nhì.

¹ *Kaṇikārapupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kaṇikāra.”

² *Minelapupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) minela.”

203. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĪNKĪNIKAPUPPHIYA (*Kiṅkiṇikapupphiyattherāpadānaṃ*)

2280. Bậc Toàn Tri, đáng Lãnh Đạo Thế Gian [sáng chói] trông tựa như cây cột trụ bằng vàng. Đáng Lãnh Đạo Thế Gian đã lội xuống hồ nước lạnh và đã tắm.

2281. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiṅkiṇi và đã dâng lên [đức Phật] Vipassassī, đáng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2282. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2283. Vào kiếp [thứ] hai mươi bảy, [tôi đã là] đức Vua Bhīmaratha, là đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2284. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṅkiṇikapupphiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kiṅkiṇikapupphiya” là phần thứ ba.

204. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆIYA (*Taraṇiyattherāpadānaṃ*)

2285. Đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đáng Nhân Nguru dẫn đầu các bậc Thánh văn đã đi đến bờ sông Gaṅgā.

2286. Sông Gaṅgā đã tràn nước đến mé bờ khiến loài quạ có thể uống được, khó có thể vượt qua. Tôi đã đưa đức Phật, bậc Tối Thượng Của Loài Người, cùng với hội chúng Tỳ-khưu sang sông.

2287. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông].

2288. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, năm vị [cùng tên] Sabbhogavā đã là các đáng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2289. Và trong kiếp sống cuối cùng này, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Bà-la-môn. Cùng với ba người bạn, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của bậc Đạo Sư.

Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Taraṇiya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Taraṇiya” là phần thứ tư.

³ *Kiṅkiṇikapupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kiṅkiṇi.”

⁴ *Taraṇiya* nghĩa là “vị liên quan đến việc đưa sang (*taraṇa*) sông.”

205. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUNḌIPUPPHIYA**(*Niggunḍipupphiyattherāpadānaṃ*)**

2290. Tôi đã là người phụ việc tu viện của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi đã cầm lấy bông hoa niggunḍi và đã dâng lên đức Phật.

2291. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2292. Trước đây ba mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2293. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Niggunḍipupphiya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Niggunḍipupphiya” là phần thứ năm.

206. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA**(*Udakadāyakattherāpadānaṃ*)**

2294. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có tâm ý thanh tịnh, không bị chôn rộn, đang thọ thực, tôi đã cầm lấy bình nước và đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha.

2295. Giờ đây, tôi không còn bận nhơ, được xa lìa ô nhiễm, sự hoài nghi đã được đoạn tận. Trong khi sanh lên ở cõi hữu, quả báo tốt đẹp phát sanh [đến tôi].

2296. Kể từ khi tôi đã cúng dường nước trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng nước.

2297. Trước đây sáu mươi một kiếp, tôi đã là [vị có tên] Vimāla độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Udakadāyaka” là phần thứ sáu.

207. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMĀLIYA**(*Salalamāliyattherāpadānaṃ*)**

2299. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Điều Phục Nhân Siddhattha ngồi ở trong vùng đồi núi đang chói sáng như là cây kaṇikāra, đang làm cho tất cả các phương rực sáng.

⁵ *Niggunḍipupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) niggunḍi.”

⁶ *Udakadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) nước (*udaka*).”

2300. Khi ấy, không do dự tôi đã dùng cây cung và đã giương lên mũi tên. Sau khi đã cắt đứt bông hoa có luôn cả cuống, tôi đã dâng lên đức Phật.

2301. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2302. Trước đây năm mươi một kiếp, tôi đã là [vị có tên] Jutindhara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalamāliya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Salalamāliya” là phần thứ bảy.

208. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORANḌAPUPPHIYA

(Koraṇḍapupphiyattherāpadānaṃ)

2304. Trong khi đi theo sau từng bước chân của bậc Đại Ân Sĩ Vipassī, tôi đã nhìn thấy bàn chân đang bước đi được điểm tô dấu hiệu hình bánh xe [của Ngài].

2305. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa đã được trở hoa, tôi đã cúng dường [bông hoa] ở dấu chân [Ngài]. Trở nên mừng rỡ, tôi đã đánh lễ dấu chân tôi thượng với tâm mừng rỡ.

2306. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân [đức Phật].

2307. Vào kiếp thứ bảy mươi lăm, tôi đã là Vītamala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2308. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koraṇḍapupphiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Koraṇḍapupphiya” là phần thứ tám.

209. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀDHĀRADĀYAKA

(Ādhāradāyakattherāpadānaṃ)

2309. Chân đế bình bát đã được tôi cúng dường đến đấng Quyền Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Tôi cai quản toàn bộ trái đất này cùng với tất cả tài nguyên.

2310. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

⁷ Salalamāliya nghĩa là “vị liên quan đến chùm hoa (mālā) salala.”

⁸ Koraṇḍapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) koraṇḍa.”

2311. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bốn người [cùng] tên Samantacaraṇa đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2312. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ādhāradāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ādhāradāyaka” là phần thứ chín.

210. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀTĀTAPANIVĀRIYA

(Vātātapanivāriyattherāpadānam)

2313. Tôi đã cúng dường một chiếc lọng đến đức Thế Tôn Tissa, vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, với tâm ý trong sạch.

2314. Điều ác xấu của tôi được chặn đứng, có sự thành tựu của điều thiện. [Chư thiên] nắm giữ chiếc lọng ở không trung [che cho tôi], điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2315. [Đây là] lần sau cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2316. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

2317. Trước đây bảy mươi hai kiếp, tám bậc thống lãnh dân chúng [cùng] tên Mahānidāna đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2318. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vātātapanivāriya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vātātapanivāriya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa kaṇikāra, bông hoa minela, bông hoa kiṅkiṇi, với sự vượt qua, vị có bông hoa niggunḍi, vị cúng dường nước, bông hoa salala, bông hoa kuraṇḍaka, [vị dâng cúng] chân đế bình bát, lọng che nắng; [tổng cộng] có bốn mươi tám câu kệ.

Phẩm Kaṇikārapupphiya là phẩm thứ hai mươi một.

⁹ Ādhāradāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) chân đế (ādhāra) bình bát.”

¹⁰ Vātātapanivāriya nghĩa là “vị liên quan đến vật ngăn cản (nivāraṇa) gió (vāta) và sức nóng (ātapa).”

XXII. PHẨM HATTHI (*HATTHIVAGGO*)

211. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HATTHIDĀYAKA (*Hatthidāyakattherāpadānaṃ*)

2319. Con voi hạng nhất có ngà dài như gọng xe, vững chãi, đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2320. Tôi thọ hưởng mục đích tối thượng là trạng thái an tịnh vô thượng. Vật thí cao quý đã được tôi dâng cúng đến vị tâm cầu lợi ích cho tất cả thế gian.

2321. Kể từ khi tôi đã dâng cúng con voi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng con voi.

2322. Vào kiếp [thứ] bảy mươi tám, mười sáu vị Sát-đế-ly [cùng] tên Samantapāsādikā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2323. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Hatthidāyaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Hatthidāyaka” là phần thứ nhất.

212. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA (*Pānadhīyakattherāpadānaṃ*)

2324. Tôi đã dâng cúng đôi dép đến vị Ấn sĩ già cả, sống ở rừng, có sự khổ hạnh dài lâu, có nội tâm đã được phát triển.

2325. Bậc đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con thọ hưởng mọi phương tiện di chuyển; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2326. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

2327. Trước đây bảy mươi bảy kiếp, tám vị Sát-đế-ly [cùng] tên Suyāna đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2328. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

¹ *Hatthidāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) con voi (*hatthi*).”

Đại đức Trưởng lão Pānadhidāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Pānadhidāyaka” là phần thứ nhì.

213. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SACCASAÑÑAKA *(Saccasaññakattherāpadānaṃ)*

2329. Vào lúc ấy, trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn, [đức Phật] Vessabhū, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu, [đã] thuyết giảng về các chân lý cao thượng.

2330. Là người thành tựu tâm bi mẫn cao tột, tôi đã đi đến cuộc hội họp. Ngồi xuống, an tịnh, tôi đây đã lắng nghe giáo pháp của bậc Đạo Sư.

2331. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên. Tôi đã cư ngụ giữa chư thiên trong thành phố ở tại nơi ấy ba mươi kiếp.

2332. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về chân lý.

2333. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Ekaphusita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2334. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saccasaññaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Saccasaññaka” là phần thứ ba.

214. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA *(Ekasaññakattherāpadānaṃ)*

2335. Sau khi nhìn thấy tám y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã chấp tay lên và đã đánh lễ tám y may từ vải bị quăng bỏ.

2336. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2337. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Amitābha, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2338. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekasaññaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Ekasaññaka” là phần thứ tư.

² Pānadhidāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) đôi dép (pānadhī).”

³ Saccasaññaka nghĩa là “vị suy tưởng (saññaka) về chân lý (sacca).”

⁴ Ekasaññaka nghĩa là “vị có một lần (eka) suy tưởng (saññā).”

215. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAMSISAÑÑAKA**(*Raṃsisaññakattherāpadānaṃ*)**

2339. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] tựa như mặt trời đang mọc lên, tựa như mặt trời có tia sáng màu trắng, tựa như con hổ hùng tráng cao quý khéo được sanh ra, [đang ngồi] ở trong vùng đồi núi.

2340. Năng lực ấy của đức Phật chói sáng ở trong vùng đồi núi. Sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2341. Do nhờ sự tịnh tín ấy ở trong tâm và cũng nhờ vào sự niệm tưởng đến đức Phật, việc thiện đã được tôi thực hiện tốt đẹp trong các kiếp còn lại.

2342. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2343. Vào kiếp thứ năm mươi bảy, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sujāta, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2344. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṃsisaññaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Raṃsisaññaka” là phần thứ năm.

216. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAÑTHITA (*Sanṭhitattherāpadānaṃ*)

2345. Ở tại cội cây assattha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh lục, tôi đã đạt được sự suy tưởng thuần túy hướng đến đức Phật, có niệm [đầy đủ].

2346. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi một kiếp, do nhờ tác động của sự suy tưởng ấy, sự đoạn tận các lậu hoặc đã được tôi đạt đến.

2347. Trước đây mười ba kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Dhaniṭṭha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2348. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sañthita⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sañthita” là phần thứ sáu.

217. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAVAṆṬADĀYAKA**(*Tālavaṇṭadāyakattherāpadānaṃ*)**

2349. Chiếc quạt lá cọ đã được tôi dâng cúng đến đấng Quyền Thuộc Của Mặt Trời Tissa nhằm mục đích dập tắt sự nóng nực và làm lắng dịu sự bức bối.

⁵ Raṃsisaññaka nghĩa là “vị suy tưởng (*saññaka*) đến hào quang (*raṃsi*) của đức Phật.”

⁶ Sañthita nghĩa là “vị (có sự suy tưởng) đã được bền vững (*sañthita*).”

2350. Tôi tự mình dập tắt ngọn lửa tham ái và đặc biệt hơn nữa là ngọn lửa sân hận. Và tôi dập tắt ngọn lửa si mê; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ.

2351. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2352. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2353. Trước đây sáu mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Mahānāma, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2354. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tālavaṇṭadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tālavaṇṭadāyaka” là phần thứ bảy.

218. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AKKANTASAÑÑAKA

(Akkantasaññakattherāpadānaṃ)

2355. Sau khi cầm lấy tấm vải choàng thô xấu, tôi đã [đi đến] thành phố của vị thầy tế độ. Và tôi học tập về chú thuật làm bẻ gãy mũi tên.

2356. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiên Cúng. Là bậc ưu tú, cao quý, tột đỉnh, đức Phật Tissa là bậc Tối Thượng của đám đông.

2357. Khi tấm vải choàng thô xấu được trải ra, đấng Tối Thượng Nhân, bậc Đại Hùng, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu trong khi bước đi đã đặt chân lên [tấm vải choàng].

2358. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đẳng Của Thế Gian ấy tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, với tâm ý trong sạch tôi đã đánh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư.

2359. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm vải choàng thô xấu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm vải choàng thô xấu.

2360. Trước đây ba mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sunanda, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2361. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Akkantasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Akkantasaññaka” là phần thứ tám.

219. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA

(Sappidāyakattherāpadānaṃ)

2362. Ngồi ở nơi cao quý của tòa lầu đài, được trọng vọng bởi đám phụ nữ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn bị lâm bệnh và đã thỉnh vào trong nhà.

2363. Khi bậc Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đáng Nhân Nguru đã đi vào, tôi đã dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến bậc Đại Ân sĩ Siddhattha.

2364. Sau khi nhìn thấy sự mệt nhọc đã được lắng xuống, khuôn mặt và giác quan đã được rạng rỡ, tôi đã đánh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ngợi ca ở phía trước Ngài.

2365. Là bậc đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi nhìn thấy tôi có nội tâm đã khéo được tịnh tín, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

2366. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn.

2367. Trước đây mười bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Jutideva, là đáng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2368. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sappidāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sappidāyaka” là phần thứ chín.

220. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀPANIVĀRIYA

(Pāpanivāriyattherāpadānaṃ)

2369. Con đường kinh hành của đức Thế Tôn Piyadassī đã được tôi làm sạch sẽ, được che bởi những cây sậy, có sự ngăn cản gió và sức nóng.

2370. Tôi đã nỗ lực trong giáo pháp của bậc Đạo Sư nhằm mục đích lánh xa điều ác, nhằm sự thành tựu việc thiện, nhằm sự dứt bỏ các điều ô nhiễm.

2371. Trước đây mười một kiếp, [tôi đã là] vị nổi danh tên Aggideva, là đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāpanivāriya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pāpanivāriya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

[Vị cúng dường] con voi, đôi dép, [vị suy tưởng về] chân lý, các hào quang, [vị có sự suy tưởng] đã được bền vững, vị có cây quạt lá cọ, tương tự là vị suy tưởng về việc [đức Phật] đã bước lên, bơ lỏng, vị có sự ngăn cản điều ác; [tổng cộng] có năm mươi bốn câu kệ.

Phẩm Hatthi là phẩm thứ hai mươi hai.

⁷ Sappidāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) bơ lỏng (sappi).”

⁸ Pāpanivāriya nghĩa là “vị liên quan đến vật ngăn chặn (nivāraṇa) điều ác (pāpa).”

XXIII. PHẨM ĀLAMBANADĀYAKA (ĀLAMBANADĀYAKAVAGGO)

221. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLAMBANADĀYAKA (Ālambanadāyakattherāpadānaṃ)

2373. Vật tựa [lưng] đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2374. Tôi cai quản trái đất bao la bao gồm biển cả và tôi thực hiện quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng ở trên trái đất.

2375. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

2376. Trước đây sáu mươi hai kiếp, ba vị Sát-đế-ly [cùng] tên Ekāpassita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2377. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ālambanadāyaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ālambanadāyaka” là phần thứ nhất.

222. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJINADĀYAKA (Ajīnadāyakattherāpadānaṃ)

2378. Trước đây ba mươi một kiếp, tôi đã là bậc thầy của đám đông. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

2379-80. Mảnh da thú đã được tôi dâng cúng đến đấng Quyền Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Nhờ vào việc làm ấy ở đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngừ, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2381. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tám da dê trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tám da dê.

2382. Trước đây vào kiếp thứ năm, tôi đã là đức Vua Sudāyaka, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

¹ Ālambanadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) vật tựa lưng (ālambana).”

2383. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajinadāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ajinadāyaka” là phần thứ nhì.

223. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DVIRATANIYA

(Dvirataniyattherāpadānam)

2384. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đáng Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

2385. Tôi đã dâng cúng đến bậc Đại Ân Sĩ Vipassī một lát thịt. Tôi được thiết lập làm vị chúa tể ở thế gian luôn cả chư thiên.

2386. Do nhờ sự dâng cúng lát thịt này, châu báu sanh lên cho tôi. Hai loại châu báu này ở thế gian đưa đến sự thành tựu của đời hiện tại.

2387. Tôi thọ hưởng tất cả các thứ ấy nhờ vào năng lực của sự dâng cúng lát thịt. Thân thể của tôi mềm mại, trí tuệ của tôi có sự nhận biết vi tế.

2388. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng lát thịt trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lát thịt.

2389. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng. Vị ấy tên là Mahārohita, là đáng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dvirataniya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Dvirataniya” là phần thứ ba.

(Dứt tụng phẩm thứ mười).

224. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA

(Ārakkhadāyakattherāpadānam)

2391. Tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn đến đức Thế Tôn Siddhattha. Và tôi đã dâng cúng sự bảo vệ đến đáng Thiện Thệ, bậc Đại Ân Sĩ.

2392. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và sự hãi sợ. Khi được sanh lên ở bất cứ đâu, sự run sợ của tôi là không được biết đến.

2393. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn.

2394. Trước đây vào kiếp thứ sáu, [tôi đã là] vị tên Apassena, là đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

² Ajinadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) tấm da dê (ajina).”

³ Dvirataniya nghĩa là “vị liên quan đến hai (dvi) loại châu báu (ratana).”

2395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ārakkhadāyaka” là phần thứ tư.

225. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVYĀDHĪKA

(Avyādhikattherāpadānaṃ)

2396. Tôi đã dâng cúng gian nhà sườn ảm đến đức Thế Tôn Vipassī, chỗ trú ngụ và bình chứa nước nóng đến những người bị bệnh.

2397. Do việc làm ấy, thân thể của tôi đã được tạo thành tốt đẹp, tôi không còn biết đến bệnh tật; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

2398. Kể từ khi tôi đã dâng cúng gian nhà trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của gian nhà sườn ảm.

2399. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị tên Aparājita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2400. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avyādhika⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Avyādhika” là phần thứ năm.

226. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀṆKOLAPUPPHIYA

(Āṇkolapupphiyattherāpadānaṃ)

2401. Nārada là tên của tôi, [mọi người] biết đến tôi là Kassapa. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị đứng đầu trong số các Sa-môn, được chư thiên tôn kính.

2402. Đức Phật có các tướng mạo phụ là vị Thọ Nhận Các Vật Hiển Cúng. Tôi đã cầm lấy bông hoa āṇkola và đã dâng lên đức Phật.

2403. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2404. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Romasa, có sự trang sức với ngọc trai và tràng hoa, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng.

2405. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āṇkolapupphiya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Āṇkolapupphiya” là phần thứ sáu.

⁴ Ārakkhadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) sự bảo vệ (ārakkha).”

⁵ Avyādhika nghĩa là “vị không có bệnh tật (vyāधि).”

⁶ Āṇkolapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) āṇkola.”

227. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOVAṆṆAVAṬAṂSAKIYA (*Sovaṇṇavaṭaṁsakiyattherāpadānaṃ*)

2406. Trong khi đi ra khu vực vườn hoa, tôi đã nhìn thấy đáng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy vòng hoa đội đầu bằng vàng được kiến tạo khéo léo.

2407. Cỡi trên lưng của con voi, tôi đã mau chóng từ nơi ấy leo xuống và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đáng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2408. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2409. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đáng Chuyên Luân Vương có oai lực lớn lao.

2410. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sovaṇṇavaṭaṁsakiya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sovaṇṇavaṭaṁsakiya” là phần thứ bảy.

228. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MIÑJAVAṬAṂSAKIYA (*Miñjavaṭaṁsakiyattherāpadānaṃ*)

2411. Khi đáng Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã Niết-bàn, tôi đã thực hiện việc cúng dường cội Bồ-đề với những vòng hoa đội đầu được xếp đặt các nơi.

2412. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề.

2413. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là vị tên Meghabbha, là đáng Chuyên Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2414. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Miñjavaṭaṁsakiya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Miñjavaṭaṁsakiya” là phần thứ tám.

229. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUKATĀVELIYA (*Sukatāveliyattherāpadānaṃ*)

2415. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Asita. Sau khi chọn lấy vòng hoa đội đầu, tôi đã ra đi để dâng lên đức vua.

2416. Khi chưa gặp được đức vua, tôi đã nhìn thấy đáng Lãnh Đạo Sikhī. Được mừng rỡ, tôi đã dâng [vòng hoa] lên đức Phật với tâm mừng rỡ.

⁷ Sovaṇṇavaṭaṁsakiya nghĩa là “vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (vaṭaṁsaka) bằng vàng (sovaṇṇa).”

⁸ Miñjavaṭaṁsakiya nghĩa là “vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (vaṭaṁsaka) bằng ruột cây (miñja).”

2417. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2418. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị vua có oai lực lớn lao tên Vebhāra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sukatāveli⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sukatāveli” là phần thứ chín.

230. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVANDIYA

(Ekavandiyattherāpadānaṃ)

2420. Đấng Anh Hùng Vessabhū là bậc ưu tú, cao quý trong số các vị thắng trận. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đánh lễ đức Phật tối thượng.

2421. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đánh lễ.

2422. [Trước đây] hai mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị tên Vigatānanda, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2423. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekavandiy¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekavandiy” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vật tựa [lưng], tấm da dê, vị dâng cúng thịt, vị thí chủ về sự bảo vệ, sự không bị bệnh, [bông hoa] ankola, [vòng hoa] vàng, [vòng hoa] ruột cây, vòng hoa đội đầu và sự đánh lễ; [tổng cộng] có năm mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Phẩm Ālambanadāyaka là phẩm thứ hai mươi ba.

⁹ Sukatāveli nghĩa là “vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (āveli) đã được làm (kata) khéo léo (su).”

¹⁰ Ekavandiy nghĩa là “vị liên quan đến một lần (eka) đánh lễ (vandana).”

XXIV. PHẨM UDAKĀSANA (UDAKĀSANAVAGGO)

231. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKĀSANADĀYAKA

(*Udakāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2424. Sau khi đi ra khỏi cổng của tu viện, tôi đã trải ra tấm ván. Và tôi đã phục vụ nước nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

2425. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo ở [sự bố thí] chỗ ngồi và nước.

2426. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisāma, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2427. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakāsanadāyaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Udakāsanadāyaka” là phần thứ nhất.

232. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀJANADĀYAKA

(*Bhājanadāyakattherāpadānaṃ*)

2428. Lúc bảy giờ, tôi đã là người thợ làm gốm ở thành phố Bandhumatī. Trong khi ấy, tôi đã cung cấp bát đĩa đến hội chúng Tỳ-khưu.

2429. [Kể từ khi] tôi đã cung cấp bát đĩa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] bát đĩa.

2430. Trước đây năm mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Anantajālī, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2431. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhājanadāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bhājanadāyaka” là phần thứ nhì.

¹ *Udakāsanadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) nước (*udaka*) và chỗ ngồi (*āsana*).”

² *Bhājanadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) bát đĩa (*bhājana*).”

233. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPŪPIYA (*Sālapūpiyattherāpadānaṃ*)

2432. Tôi đã là người bán bánh ngọt ở thành phố Aruṇavatī. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Sikhī đang đi ngang qua cánh cửa của tôi.

2433. Với tâm ý trong sạch, tôi đã nhận lấy bình bát của đức Phật và đã dâng cúng bánh ngọt sālā đến đức Phật, bậc đã đi đến đạo lộ chân chánh.

2434. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng vật thực cúng trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh ngọt sālā.

2435. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là vị Amitaṇjala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālapūpiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sālapūpiya” là phần thứ ba.

234. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KILAÑJADĀYAKA (*Kilañjadāyakattherāpadānaṃ*)

2437. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ đan lát ở trong thành phố Tivarā đáng yêu. Dân chúng ở nơi ấy được tịnh tín ở đấng Quang Đăng Cửa Thế Gian Siddhattha.

2438. Người ta tìm kiếm chiếc chiếu nhằm mục đích cúng dường đến đấng Bảo Hộ Thế Gian. Tôi đã dâng cúng chiếc chiếu đến những người đang tiến hành việc cúng dường đức Phật.

2439. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc chiếu.

2440. [Trước đây] bảy mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kilañjadāyaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kilañjadāyaka” là phần thứ tư.

235. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA (*Vedikārakattherāpadānaṃ*)

2442. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn ở cội cây Bò-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī.

³ Sālapūpiya nghĩa là “vị liên quan đến bánh ngọt (*pūpa*) sālā.”

⁴ Kilañjadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc chiếu (*kilañja*).”

2443. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn.

2444. Trước đây mười một kiếp, tôi đã là vị tên Suriyassama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka” là phần thứ năm.

236. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṆṆAKĀRA

(Vaṇṇakārattherāpadānaṃ)

2446. Lúc bảy giờ, tôi đã là người thợ nhuộm màu ở thành phố Aruṇavatī. Tôi đã nhuộm các màu sắc khác nhau cho các xấp vải ở ngôi bảo tháp.

2447. Kể từ khi tôi đã nhuộm màu sắc trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng màu sắc.

2448. Trước đây hai mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Candupama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2449. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vaṇṇākāra đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vaṇṇākāra” là phần thứ sáu.

237. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPUPPHIYA

(Piyālapupphiyattherāpadānaṃ)

2450. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cây piyāla đã được trở hoa, tôi đã rải rắc [bông hoa] ở con đường [đức Phật] đã đi qua.

2451. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piyālapupphiya⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Piyālapupphiya” là phần thứ bảy.

⁵ Vedikāraka nghĩa là “vị thực hiện (kāra) vòng rào chắn (vedi).”

⁶ Piyālapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (puppha) piyāla.”

238. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGADĀYAKA (*Ambayāgadāyakattherāpadānaṃ*)

2453. Nương tựa vào nghề nghiệp của mình, tôi đã đi đến khu rừng rậm. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác đang đi, tôi đã dâng cúng vật thí là trái xoài.

2454. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hiến dâng trái xoài.

2455. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambayāgadāyaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ambayāgadāyaka” là phần thứ tám.

239. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIKĀRAKA (*Jagatikārakattherāpadānaṃ*)

2456. Khi dâng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, việc bố trí đã được tôi điều hành ở ngôi bảo tháp tối thượng của đức Phật.

2457. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố trí.

2458. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jagatikāraka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Jagatikāraka” là phần thứ chín.

240. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀSIDĀYAKA (*Vāsidāyakattherāpadānaṃ*)

2459. Trước đây, tôi đã là người thợ rèn ở trong kinh thành Tivarā. Tôi đã dâng cúng một lưỡi rìu đến đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại.

2460. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lưỡi rìu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lưỡi rìu.

2461. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vāsidāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Vāsidāyaka” là phần thứ mười.

⁷ *Ambayāgadāyaka* nghĩa là “vị thí chủ (*dāyaka*) của việc hiến dâng (*yāga*) trái xoài (*amba*).”

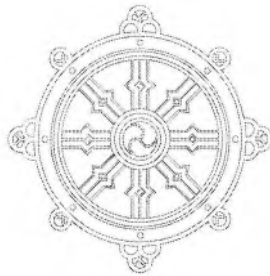
⁸ *Jagatikāraka* nghĩa là “vị thực hiện (*kāraka*) việc bố trí (*jagati*).”

⁹ *Vāsidāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) lưỡi rìu (*vāsi*).”

Phần tóm lược

Chỗ ngồi và nước, bát đĩa, vị có bánh ngọt sālā, vị liên quan đến chiếc chiếu, vòng rào chắn, thợ nhuộm màu, bông hoa piyāla, vị bố thí vật hiến dâng là trái xoài, việc bố trí, vị dâng cúng lưối rìu; [tổng cộng] có ba mươi tám câu kệ.

Phẩm Udakāsana là phẩm thứ hai mươi bốn.



XXV. PHẨM TUVARADĀYAKA (TUVARADĀYAKAVAGGO)

241. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TUVARADĀYAKA (*Tuvaradāyakattherāpadānaṃ*)

2462. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi cầm lấy và mang theo hạt tuvara nường, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

2463. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của hạt tuvara nường.

2464. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tuvaradāyaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tuvaradāyaka” là phần thứ nhất.

242. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAKESARIYA (*Nāgakesariyattherāpadānaṃ*)

2465. Sau khi đã kiểm tra cẩn thận cây cung, tôi đã đi sâu vào trong rừng. Tôi đã nhìn thấy vươn lên đóa hoa sen có tua nhụy rũ xuống.

2466. Sau khi cầm lấy [bông hoa] bằng hai bàn tay, tôi đã chấp tay lên ở đầu và đã dâng lên đức Phật Tissa, bậc Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2467. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2468. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, bảy vị [cùng] tên Kesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2469. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgakesariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nāgakesariya” là phần thứ nhì.

243. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶINAKESARIYA (*Naḷinakesariyattherāpadānaṃ*)

2470. Tôi là con gà nước sống ở giữa hồ nước thiên nhiên. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên đang di chuyển ở trên không trung.

¹ *Tuvaradāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) hạt tuvara nường.”

2471. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dùng mỏ ngắt đóa hoa sen [có tua nhụy] và đã dâng lên đức Phật, đáng Quyển Thuộc Của Thế Gian Tissa.

2472. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2473. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Satapatta, là đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2474. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Nāḷinakesariya² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Nāḷinakesariya” là phần thứ ba.

244. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIRAVIPUPPHIYA

TRỪNG CỐC VÂN NAM (*Viravipupphiyattherāpadānaṃ*)

2475. Đáng Lãnh Đạo Thế Gian ra đi cùng với một ngàn vị có lậu hoặc đã được đoạn tận. Tôi đã cầm lấy bông hoa viravi và đã dâng lên đức Phật.

2476. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2477. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Viravipupphiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Viravipupphiya” là phần thứ tư.

245. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬIDHŪPAKA

(*Kuṭidhūpakattherāpadānaṃ*)

2478. Tôi đã là người trông nom liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhattha. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình xông khói vào lúc này lúc khác.

2479. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2480. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭidhūpaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kuṭidhūpaka” là phần thứ năm.

² Nāḷinakesariya nghĩa là “vị liên quan đến đóa sen (*naḷina*) có tua nhụy (*kesarī*).”

³ Viravipupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) viravi.”

⁴ Kuṭidhūpaka nghĩa là “vị xông khói (*dhūpaka*) thơm liêu cốc (*kuṭi*).”

246. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PATTADĀYAKA (*Pattadāyakattherāpadānaṃ*)

2481. Với sự thuần thành tuyệt đối, việc dâng cúng bình bát đã được tôi cung ứng đến bậc Đại Ân Sĩ Siddhattha, bậc có bản thể chính trực như thế ấy.

2482. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát.

2483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pattadāyaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pattadāyaka” là phần thứ sáu.

247. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA (*Dhātupūjakattherāpadānaṃ*)

2484. Khi dâng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha Niết-bàn, tôi đã nhận được một phần Xá-lợi của bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2485. Sau khi nhận lấy phần Xá-lợi ấy của đức Phật, dâng Quyển Thuộc Của Mặt Trời, trong năm năm tôi đã chăm sóc [phần Xá-lợi ấy] như là [chăm sóc] bậc Tối Thượng Nhân đang còn tại tiền.

2486. Kể từ khi tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo ở sự hầu cận Xá-lợi.

2487. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Dhātupūjaka” là phần thứ bảy.

248. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTALIPUPPHAPŪJAKA (*Sattalipupphapūjakattherāpadānaṃ*)

2488. Lúc bấy giờ, tôi đã đặt bảy bông hoa sattali ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân Vessabhū.

2489. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2490. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattalipupphapūjaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sattalipupphapūjaka” là phần thứ tám.

⁵ *Pattadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) bình bát (*patta*).”

⁶ *Dhātupūjaka* nghĩa là “vị cúng dường (*pūjaka*) Xá-lợi (*dhātu*).”

⁷ *Sattalipupphapūjaka* nghĩa là “vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa (*puppha*) sattali.”

249. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIMBIJĀLIYA**(*Bimbijāliyattherāpadānaṃ*)**

2491. Đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ tên Padumuttara, là nhân vật cao cả. Ngài công bố về bốn sự thật và làm sáng tỏ về vị thế bất tử.

2492. Khi ấy, sau khi ngắt rời các bông hoa bimbijālīka, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2493. Trước đây sáu mươi tám kiếp, bốn vị [cùng tên] Kiñjakesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2494. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bimbijāliya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bimbijāliya” là phần thứ chín.

250. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLADĀYAKA**(*Uddāladāyakattherāpadānaṃ*)**

2495. Đấng Tự Chủ tên Kakusandha, bậc Không Bị Đánh Bại, sau khi lìa khỏi khu rừng bao la đã đi đến gần con sông lớn.

2496. Khi ấy, với tâm tịnh tín tôi đã cầm lấy bông hoa uddālaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ, bậc đã tự chế ngự, có bản thể chính trực.

2497. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2498. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uddāladāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Uddāladāyaka” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Hạt tuvara nường, [vị Trưởng lão] Nāgakesariya, các bông hoa sen, các bông hoa viravi, vị xông khói liêu cốc, bình bát, Xá-lợi, các bông hoa sattali, các bông hoa bimbijālīka, cùng với bông hoa uddālaka; [tổng cộng] có ba mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc thông minh.

Phẩm Tuvaradāyaka là phẩm thứ hai mươi lăm.

⁸ *Bimbijāliya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) bimbijāliya.”

⁹ *Uddāladāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) bông hoa uddāla.”

XXVI. PHẨM THOMAKA (THOMAKAVAGGO)

251. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO THOMAKA

(*Thomakattherāpadānaṃ*)

2499. Trong khi đang trú ở thế giới chư thiên, tôi được hoan hỷ sau khi lắng nghe giáo pháp của bậc Đại Ân Sĩ Vipassī, và tôi đã nói nên lời nói này:

2500. “Bạch đáng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đáng Tồi Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.”

2501. Kể từ khi tôi đã nói lên lời nói ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

2502. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Thomaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Thomaka” là phần thứ nhất.

252. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA

(*Ekāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2503. Có ước muốn thực hiện hành động hướng thượng ở giáo pháp của đức Phật tối thượng, tôi đã lìa bỏ vóc dáng thiên nhân và đã cùng với người vợ đi đến nơi này.

2504. Vị Thịnh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Devala. Vật thực đã được tôi dâng cúng đến vị ấy với tâm ý trong sạch.

2505. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực.

2506. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsanadāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekāsanadāyaka” là phần thứ nhì.

¹ Thomaka nghĩa là “vị tán dương (*thomaka*).”

² Ekāsanadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực (*asana*) một lần (*eka*).”

253. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA**(Citakapūjakattherāpadānaṃ)**

2507. Bạc Giác Ngộ, đáng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Ānanda đã viên tịch Niết-bàn ở trong rừng già hoang rậm, không có bóng người.

2508. Khi ấy, tôi đã từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây và đã thực hiện lễ hỏa táng. Tại đó, tôi đã thiêu đốt thi thể và đã thể hiện sự tôn kính.

2509. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2510. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka” là phần thứ tư.

254. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TICAMPAKAPUPPHIYA**(Ticampakapupphiyattherāpadānaṃ)**

2511. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Vikata. Ở trung tâm của ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập, cư ngụ.

2512. Sau khi nhìn thấy sự an tịnh của vị ấy, với tâm ý trong sạch tôi đã cầm lấy ba bông hoa campaka và đã rải rắc chúng.

2513. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2514. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ticampakapupphiya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ticampakapupphiya” là phần thứ tư.

255. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPĀṬALIYA**(Sattapāṭaliyattherāpadānaṃ)**

2515. Tôi đã dâng lên các bông hoa sattapāṭali đến đức Phật [trong lúc Ngài] ngồi ở trong vùng đồi núi, đang chói sáng như là cây kaṇikāra.

2516. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

³ Citakapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) lễ hỏa táng (citaka).”

⁴ Ticampakapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến ba (ti) bông hoa (puppha) campaka.”

Đại đức Trưởng lão Sattapāṭaliya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Sattapāṭaliya” là phần thứ năm.

256. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀHANADĀKAYA *(Upāhanadākayattherāpadānaṃ)*

2518. Lúc bấy giờ, vị tên Candana đã là người con trai của đảng Giác Ngộ. Tôi đã dâng cúng [đến vị ấy] một đôi dép [ước nguyện rằng]: “Xin ngài hãy giúp con thành tựu quả vị Giác ngộ.”

2519. Kể từ khi tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

2520. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāhanadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Upāhanadāyaka” là phần thứ sáu.

257. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑJARIPŪJAKA *(Mañjaripūjakattherāpadānaṃ)*

2521. Sau khi đã thực hiện một bó [hoa], tôi đã bước đi ở đường lộ. Tôi đã nhìn thấy bậc cao cả trong số các vị Sa-môn được tháp tùng bởi hội chúng Tỷ-khưu.

2522. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng và với niềm phi lạc tốt độ, tôi đã cầm lấy [bó hoa] bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật.

2523. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2524. Trước đây bảy mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa tên Jotiya, là đảng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañjaripūjaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.
“Ký sự về Trưởng lão Mañjaripūjaka” là phần thứ bảy.

258. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṆṆADĀYAKA *(Paṇṇadāyakattherāpadānaṃ)*

2526. Tôi là vị mặc y phục bằng vỏ cây ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Thu thúc trong các điều kiện hạn chế, tôi có thức ăn là muối và lá cây.

⁵ Sattapāṭaliya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa sattapāṭali.”

⁶ Upāhanadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) đôi dép (upāhana).”

⁷ Mañjaripūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) bó hoa (mañjarī).”

2527. Vào lúc bữa ăn sáng đã điếm, [đức Phật] Siddhattha đã đi đến gặp tôi. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên các thứ ấy đến đức Phật.

2528. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cây.

2529. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức vua Yadatthiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2530. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṇṇadāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Paṇṇadāyaka” là phần thứ tám.

259. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬIDĀYAKA

(Kuṭidāyakattherāpadānaṃ)

2531. Lúc bấy giờ, là vị hành pháp ngụ ở rừng, đấng Toàn Giác đã cư ngụ ở gốc cây. Tôi đã thực hiện gian nhà lá và đã dâng cúng đến bậc Không Bị Đánh Bại.

2532. Kể từ khi tôi đã cúng dường cái chồi lá trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái chồi.

2533. Trước đây hai mươi tám kiếp, mười sáu vị vua được gọi là Sabbattha-abhivassī đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2534. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭidāyaka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Kuṭidāyaka” là phần thứ chín.

260. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AGGAJAPUPPHIYA

(Aggajapupphiyattherāpadānaṃ)

2535. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác Sikhī có màu da vàng chói ngời ở trong vùng đồi núi đang chiếu sáng các hào quang như là ngọn lửa.

2536. Tôi đã cầm lấy bông hoa aggaja và đã đi đến gần đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật [bông hoa ấy].

2537. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2538. [Trước đây] hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

⁸ Paṇṇadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) lá cây (paṇṇa).”

⁹ Kuṭidāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) liêu cốc (kuṭi).”

2539. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

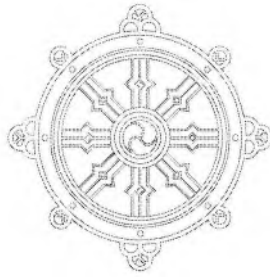
Đại đức Trưởng lão Aggajapupphiya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Aggajapupphiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị tán dương, một bữa ăn, giàn hỏa thiêu, bông hoa campaka, bông hoa sattapāṭali, đôi dép, bó hoa, lá cây, vị dâng cúng cái chồi, bông hoa aggaja; và các câu kệ đã được tính đếm ở đây là bốn mươi một câu cả thảy.

Phẩm Thomaka là phẩm thứ hai mươi sáu.



¹⁰ *Aggajapupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) aggaja.”

XXVII. PHẨM ĀKĀSUKKHIPIYA (ĀKĀSUKKHIPIYAVAGGO)

261. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀKĀSUKKHIPIYA (Ākāsukkhīyattherāpadānaṃ)

2540. Trong khi đang Nhân Ngưu Siddhattha có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ, tôi đã cầm lấy hai bông hoa cao quý mọc ở trong nước và đã đi đến gặp Ngài.

2541. Tôi đã đặt xuống một bông hoa ở các bàn chân của đức Phật tối thượng, và tôi đã cầm lấy một bông hoa rồi đã thả lên không trung.

2542. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2543. Trước đây ba mươi hai kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Antalikkhacara, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2544. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ākāsukkhīpiya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ākāsukkhīpiya” là phần thứ nhất.

262. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TELAMAKKHIYA (Telamakkhīyattherāpadānaṃ)

2545. Khi đức Thế Tôn Siddhattha, đấng Nhân Ngưu đã Niết-bàn, ngay khi ấy tôi đã thoa dầu ở vòng rào chắn của cội cây Bồ-đề.

2546. Kể từ khi tôi đã thoa dầu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc thoa [dầu].

2547. Trước đây hai mươi bốn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-ly tên Succhavi, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2548. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Telamakkhīya² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Telamakkhīya” là phần thứ nhì.

¹ Ākāsukkhīpiya nghĩa là “vị liên quan đến việc thả lên (*ukkhepa*) không trung (*ākāsa*).”

² Telamakkhīya nghĩa là “vị liên quan đến việc thoa (*makkhana*) dầu (*tela*).”

263. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AḍḍHACANDIYA**(Aḍḍhacandiyattherāpadānaṃ)**

2549. Bông hoa aḍḍhacanda đã được tôi dâng cúng ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Tissa là loại thảo mộc sanh trưởng ở trên trái đất.

2550. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề.

2551. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Devala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aḍḍhacandiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Aḍḍhacandiya” là phần thứ ba.

264. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADĪPIYA (Padīpiyattherāpadānaṃ)

2553. Lúc bấy giờ, trong khi là vị thiên nhân, tôi đã ngự xuống trái đất. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng năm ngọn đèn.

2554. Kể từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đèn.

2555. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2556. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padīpiya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Padīpiya” là phần thứ tư.

265. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIḶĀLIDĀYAKA**(Biḷālidāyakattherāpadānaṃ)**

2557. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Romaso. Ở tại chân ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập.

2558. Tôi đã cầm lấy củ biḷālī và đã dâng cúng đến vị Sa-môn. Bạc Đại Hùng, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ rằng:

2559. “Người đã dâng cúng củ biḷālī đến Ta với tâm ý trong sạch. Trong khi [người] tái sanh vào cõi hữu, quả báo sẽ sanh khởi đến người.”

2560. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng củ biḷālī trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của củ biḷālī.

³ Aḍḍhacandiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa aḍḍhacandiya.”

⁴ Padīpiya nghĩa là “vị liên quan đến ngọn đèn (padīpa).”

2561. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bīlālidāyaka⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Bīlālidāyaka” là phần thứ năm.

266. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MACCHADĀYAKA

(Macchadāyakattherāpadānaṃ)

2562. Lúc bấy giờ, tôi đã là con chim ung ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã gặp lấy con cá lớn và đã dâng cúng đến bậc Hiền Trí Siddhattha.

2563. Kể từ khi tôi đã dâng cúng con cá trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng con cá.

2564. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Macchadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Macchadāyaka” là phần thứ sáu.

267. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAVAHAMSAKA

(Javahamsakattherāpadānaṃ)

2565. Lúc bấy giờ, tôi đã là lính kiểm lâm ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Siddhattha đang di chuyển ở trên không trung.

2566. Trong khi ngược nhìn bậc Đại Hiền Trí, tôi đã chấp tay lên. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đánh lễ đáng Lãnh Đạo.

2567. [Kể từ khi] tôi đã đánh lễ đáng Nhân Nguru trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đánh lễ.

2568. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Javahamsaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Javahamsaka” là phần thứ bảy.

268. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA

(Salalapupphiyattherāpadānaṃ)

2569. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điều ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī được bao phủ bằng mạng lưới hào quang.

2570. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng và với niềm phỉ lạc tốt độ, tôi đã cầm lấy bông hoa salala và đã rải rác đến [đức Phật] Vipassī.

2571. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt

⁵ Bīlālidāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) củ bīlālī.”

⁶ Macchadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) cá (maccha).”

kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Salalapupphiya” là phần thứ tám.

269. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀGATĀSAYA

(Upāgatāsayaṭṭherāpadānaṃ)

2573. Ở trung tâm của núi Hy-mã-lạp có cái hồ nước đã khéo được tạo lập. Tôi đã là loài quỷ dữ ở tại nơi ấy, có bản chất quấy rối, là kẻ gây nên nỗi hãi sợ.

2574. Có ý muốn tiếp độ tôi, bậc Thương Tướng, đáng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī ấy đã đi đến gặp tôi.

2575. Khi bậc Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đáng Nhân Nguru đã đi đến gần, tôi đã đi ra khỏi nơi trú ẩn và đã đánh lễ đáng Đạo Sư.

2576. [Kể từ khi] tôi đã đánh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đánh lễ.

2577. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāgatāsaya⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Upāgatāsaya” là phần thứ chín.

270. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARĀṆIYA (Tarāṇiyattherāpadānaṃ)

2578. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói là bậc xứng đáng sự cúng dường. Bậc Đạo Sư dẫn đầu hội chúng Tỳ-khuru đã đứng ở bờ sông.

2579. Thuyền bè là phương tiện vượt qua biển cả không được tìm thấy ở tại nơi ấy. Tôi đã đi ra khỏi dòng sông và đã đưa đáng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông].

2580. [Kể từ khi] tôi đã đưa bậc Tối Thượng Nhân sang [sông] trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông].

2581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tarāṇiya⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tarāṇiya” là phần thứ mười.

⁷ Salalapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) salala.”

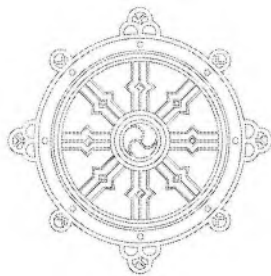
⁸ Upāgatāsaya nghĩa là “vị có chỗ ngụ (*āsaya*) đã được đức Phật đi đến gần (*upāgata*).”

⁹ Tarāṇiya nghĩa là “vị liên quan đến việc đưa sang (*taraṇa*) sông.”

Phần tóm lược

Vị có sự thầy lên [bông hoa], dầu thoa, vị có [bông hoa] aḍḍhacanda, vị dâng cúng cây đèn, vị dâng cúng củ biḷālī, con cá, vị tên Javahamsaka, vị dâng cúng bông hoa salala, loài quý dữ, vị đưa sang [sông] là mười. Và ở đây được ghi nhận là bốn mươi một câu kệ cả thầy.

Phẩm Ākāsuḅkhipiya là phẩm thứ hai mươi bảy.



XXVIII. PHẨM SUVAṆṆABIMBOHANA (SUVAṆṆABIMBOHANAVAGGO)

271. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUVAṆṆABIMBOHANIYA (*Suvaṇṇabimbohaniyattherāpadānaṃ*)

2582. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một cái ghế. Và tôi đã dâng lên cái gối nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

2583. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cái gối trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái gối.

2584. Trước đây vào kiếp thứ sáu mươi ba, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Asama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2585. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Suvaṇṇabimbohaniya¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Suvaṇṇabimbohaniya” là phần thứ nhất.

272. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TILAMUṬṬHIDĀYAKA (*Tilamuṭṭhidāyakattherāpadānaṃ*)

2586. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã đi đến bằng thần thông với thân được tạo thành bởi ý.

2587. Khi Ngài đang đi đến gần, tôi đã đánh lễ bậc Đạo Sư, đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng [một] nắm hạt mè.

2588. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm hạt mè.

2589. Trước đây mười sáu kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Nandiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2590. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tilamuṭṭhidāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Tilamuṭṭhidāyaka” là phần thứ nhì.

¹ *Suvaṇṇabimbohaniya* nghĩa là “vị liên quan đến cái gối (*bimbohana*) vàng (*suvaṇṇa*).”

² *Tilamuṭṭhidāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) nắm tay (*muṭṭhi*) hạt mè (*tila*).”

273. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAṄGOTAKIYA**(Caṅgotakiyattherāpadānaṃ)**

2591. [Đức Phật Siddhattha] sống ở trong vùng đồi núi kề cận biển cả. Sau khi đi ra tiếp đón [Ngài] tôi đã thực hiện và đã dâng cúng cái hộp [đựng bông hoa].

2592. Sau khi dâng cúng cái hộp đựng bông hoa đến bậc Đại Ân Sĩ Siddhattha, đáng Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả chúng sanh, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2593. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cái hộp trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái hộp.

2594. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Caṅgotakiya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Caṅgotakiya” là phần thứ ba.

274. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA**(Abbhañjanadāyakattherāpadānaṃ)**

2595. Đức Thế Tôn Koṇḍañña là vị có tâm bình đẳng như hư không, có thiên chứng không bị chướng ngại, có tham ái đã được lìa bỏ như thế ấy.

2596. Bậc Đạo Sư, đáng Chúa Tể Của Loài Người là vị vượt qua tất cả si mê, là bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian, tôi đã dâng cúng thuốc cao đến Ngài.

2597. Kể từ khi tôi đã dâng cúng thuốc cao trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc cao.

2598. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Cirappa, là đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Abbhañjanadāyaka⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Abbhañjanadāyaka” là phần thứ tư.

275. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA**(Ekañjaliyattherāpadānaṃ)**

2600. Tôi đã dâng cúng khu vực sinh sống [cô tịch] đến vị Sa-môn, bậc Đại Ân Sĩ đang cư ngụ tại cội cây sung, nơi tấm thảm lá cây đã được xác định.

³ Caṅgotakiya nghĩa là “vị liên quan đến cái hộp (caṅgotaka).”

⁴ Abbhañjanadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) thuốc cao (abbhañjana).”

2601. Sau khi chấp tay lên, tôi đã trải ra tấm thảm bằng bông hoa đến [đức Phật] Tissa, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đáng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy.

2602. [Kể từ khi] tôi đã thực hiện tấm thảm bằng bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm.

2603. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là bậc thống lãnh loài người tên Ekañjali, là đáng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2604. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekañjaliya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekañjaliya” là phần thứ năm.

276. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO POTTHADĀYAKA

(Potthadāyakattherāpadānaṃ)

2605. Việc cúng dường tấm vải bạt đã được tôi dâng cúng ở đối tượng đáng được cúng dường vô thượng, trước tiên hết là bậc Đạo Sư, giáo pháp, và luôn cả hội chúng của bậc Đại Ấn Sĩ nữa.

2606. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải bạt.

2607. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Potthadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Potthadāyaka” là phần thứ sáu.

277. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA

(Citakapūjakattherāpadānaṃ)

2608. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã đặt ở giàn hỏa thiêu bảy bông hoa māluva.

2609. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường lễ hỏa táng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu.

2610. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Paṭijagga đã là các đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

2611. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka” là phần thứ bảy.

⁵ Ekañjaliya nghĩa là “vị liên quan đến một lần (eka) chấp tay (añjali).”

⁶ Potthadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) tấm vải bạt (pottha).”

⁷ Citakapūjaka nghĩa là “vị cúng dường (pūjaka) lễ hỏa táng (citaka).”

278. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLUVADĀYAKA (*Āluvadāyakattherāpadānaṃ*)

2612. Ở ngọn núi Hy-mã-lạp, có con sông Mahāsindhu có dáng hình xinh đẹp. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy [đức Phật] Sudassana; Ngài là bậc có tham ái đã được lìa bỏ, có ánh sáng rực rỡ.

2613. Sau khi nhìn thấy bậc được gắn liền với sự an tịnh tột bậc, được tịnh tín tôi đã tự tay mình dâng cúng rễ cây āluva đến Ngài.

2614. Kể từ khi tôi đã dâng cúng rễ cây āluva trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của rễ cây āluva.

2615. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Āluvadāyaka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Āluvadāyaka” là phần thứ tám.

279. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUṆḌARĪKA (*Ekapuṇḍarīkattherāpadānaṃ*)

2616. Lúc bấy giờ, đáng Tự Chủ tên Romasa là bậc có sự hành trì tốt đẹp. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trắng [đến Ngài].

2617. Kể từ khi tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trắng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đóa hoa sen trắng.

2618. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật. Đại đức Trưởng lão Ekapuṇḍarīka⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekapuṇḍarīka” là phần thứ chín.

280. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆĪYA (*Taraṇīyattherāpadānaṃ*)

2619. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cho xây dựng cây cầu ở đường lộ lớn gập ghềnh để giúp cho mọi người vượt qua [đoạn đường ấy].

2620. [Kể từ khi] tôi đã cho xây dựng cây cầu trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

2621. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Samogadha độc nhất, là đáng Chuyên Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2622. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

⁸ Āluvadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) rễ cây āluva.”

⁹ Ekapuṇḍarīka nghĩa là “vị có một (*eka*) đóa hoa sen trắng (*puṇḍarīka*).”

Đại đức Trưởng lão Tاراṇīya¹⁰ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

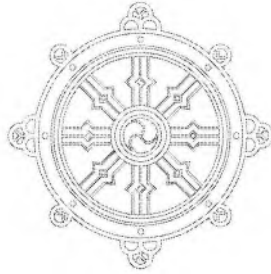
“Ký sự về Trưởng lão Tاراṇīya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vàng, năm hạt mè, cái hộp, thuốc cao, sự chấp tay, vị có tám vải bạt, giàn hỏa thiêu, rễ cây āluva, một đóa hoa sen trắng, với cây cầu; [tổng cộng] có bốn mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Suvapaṇṇabimbohana là phẩm thứ hai mươi tám.

(Dứt tụng phẩm thứ mười một).



¹⁰ Tاراṇīya nghĩa là “vị liên quan đến việc vượt qua (taraṇa).”

XXIX. PHẨM PAṆṆADĀYAKA (PAṆṆADĀYAKAVAGGO)

281. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṆṆADĀYAKA (Paṇṇadāyakattherāpadānaṃ)

2623. Tôi đã ngồi xuống trong gian nhà lá, có bữa ăn là vật thực bằng lá cây. Bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi trong lúc tôi đang ngồi.

2624. Bậc Quang Đăng Cửa Thế Gian Siddhattha là người thầy thuốc của tất cả thế gian. Khi Ngài đã ngồi xuống ở tám thảm lá cây, tôi đã dâng cúng lá cây đến Ngài.

2625. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cây.

2626. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṇṇadāyaka¹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Paṇṇadāyaka” là phần thứ nhất.

282. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA (Phaladāyakattherāpadānaṃ)

2627. [Đức Phật Siddhattha] ấy có sự an tịnh sánh bằng núi Sineru, tựa như vật nâng đỡ trái đất, sau khi xuất khỏi thiền định đã đi đến gần tôi về việc khát thực.

2628. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mạn đỏ, trái vibhītaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

2629. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng tất cả thức ăn ấy đến bậc Đại Ân Sĩ Siddhattha, vị Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả thế gian.

2630. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2631. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-ly tên Ekajjha, là đáng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2632. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

¹ Paṇṇadāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) lá cây (paṇṇa).”

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka² đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka” là phần thứ nhì.

283. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUGGAMANIYA

(Paccuggamanīyattherāpadānaṃ)

2633. Bậc Nhân Nguru đang đi đến, giống như loài sư tử lang thang ở trong rừng, giống như loài bò mộng thuần chủng, tựa như cây kakudha đang chói sáng.

2634. Với tâm ý trong sạch, tôi đã thực hiện việc đi ra tiếp đón đáng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha, vị thầy thuốc của tất cả thế gian.

2635. [Kể từ khi] tôi đã đi ra tiếp đón đáng Nhân Nguru trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi ra tiếp đón.

2636. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sapparivāra, là đáng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2637. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paccuggamaniya³ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Paccuggamaniya” là phần thứ ba.

284. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUPPHIYA

(Ekapupphīyattherāpadānaṃ)

2638. Lúc bấy giờ, tôi đã là con yêu tinh ở cánh cổng phía Nam. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tựa như mặt trời có tia sáng màu vàng.

2639. Tôi đã dâng cúng một bông hoa đến bậc Tối Thượng Nhân Vipassī, vị Có Sự Tầm Cầu Lợi Ích Cho Tất Cả Thế Gian, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2640. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapupphiya⁴ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Ekapupphiya” là phần thứ tư.

² Phaladāyaka nghĩa là “vị dâng cúng (dāyaka) trái cây (phala).”

³ Paccuggamaniya nghĩa là “vị liên quan đến việc đi ra tiếp đón (paccuggamana).”

⁴ Ekapupphiya nghĩa là “vị liên quan đến một (eka) bông hoa (puppha).”

285. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGHAVAPUPPHIYA**(*Maghavapupphiyattherāpadānaṃ*)**

2642. Ở bờ sông Nammadā, có đấng Tự Chủ là bậc Không Bị Đánh Bại. Ngài đã chứng đạt thiền định, được thanh tịnh, không bị chộn rộn.

2643. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Không Bị Đánh Bại, tôi đã được tịnh tín, có tâm ý vui mừng. Khi ấy, tôi đã dâng cúng đấng Tự Chủ ấy với bông hoa maghava.

2644. Kể từ khi tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maghavapupphiya⁵ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Maghavapupphiya” là phần thứ năm.

286. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPATTHĀKADĀYAKA**(*Upatthākadāyakattherāpadānaṃ*)**

2646. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Long Tượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Nguru, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đang bước đi ở đường lộ.

2647. Sau khi cho người thỉnh mời bậc có sự tâm cầu lợi ích cho tất cả thế gian ấy, tôi đã dâng cúng người phục vụ đến bậc Đại Ân Sĩ Siddhattha.

2648. Sau khi tiếp nhận, đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiện Trí đã gọi trả lại [người phục vụ cho tôi], rồi đã từ chỗ ngồi ấy đứng dậy và ra đi, mặt hướng phía Đông.

2649. Kể từ khi tôi đã dâng cúng người phục vụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2650. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Balasena, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2651. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upatthākadāyaka⁶ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Upatthākadāyaka” là phần thứ sáu.

287. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO APADĀNIYA (*Apadāniyattherāpadānaṃ*)

2652. Tôi đã ca ngợi sự nghiệp của các đấng Thiện Thệ đến bậc Đại Ân Sĩ.

⁵ *Maghavapupphiya* nghĩa là “vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) maghava.”

⁶ *Upatthākadāyaka* nghĩa là “vị dâng cúng (*dāyaka*) người phục vụ (*upatthāka*).”

Được tịnh tín, tôi đã đánh lễ bằng đầu và bằng các bàn tay của mình ở bàn chân [của bậc Đại Ân Sĩ].

2653. [Kể từ khi] tôi đã ngời ca sự nghiệp [của chư Phật] trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

2654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Apadāniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Apadāniya” là phần thứ bảy.

288. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTĀHAPABBAJITA

(Sattāhapabbajitattherāpadānaṃ)

2655. Hội chúng của đức Thế Tôn Vipassī là được tôn sùng kính trọng. Có điều bất hạnh đã xảy đến cho tôi là trước đây thân quyến đã có sự chia rẽ.

2656. Tôi đã đi đến sự xuất gia nhằm làm lắng dịu điều bất hạnh. Tại nơi ấy, do sự mong mỏi giáo pháp của bậc Đạo Sư, tôi đã được thỏa thích trong bảy ngày.

2657. Kể từ khi tôi đã xuất gia trước đây chín mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc xuất gia.

2658. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vị lãnh chúa được biết đến với tên “Sunikkhama” đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2659. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattāhapabbajita⁷ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Sattāhapabbajita” là phần thứ tám.

289. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPATTHĀKA

(Buddhupatthākattherāpadānaṃ)

2660. Lúc bảy giờ, tên của tôi là Veṭambarī. Người cha của tôi đã nắm lấy cánh tay của tôi và đã đưa tôi đến bậc Đại Hiền Trí.

2661. [Nghĩ rằng]: “Chư Phật này, các đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian sẽ chỉ dạy cho ta.” Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình phục vụ các vị ấy một cách tôn kính.

2662. Kể từ khi tôi đã chăm sóc chư Phật trước đây ba mươi một kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2663. Trước đây hai mươi ba kiếp, bốn vị Sát-đế-ly [cùng] tên Sāmaṇupatthāka đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

⁷ Sattāhapabbajita nghĩa là “vị đã xuất gia (pabbajita) bảy (satta) ngày (aha).”

2664. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka⁸ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka” là phần thứ chín.

290. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUBBAṄGAMIYA

(Pubbaṅgamiyattherāpadānaṃ)

2665. Nhằm đạt đến mục đích tối thượng, chúng tôi tám mươi bốn ngàn người đã xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong số các vị ấy, tôi đã là người đứng đầu.

2666. Và các vị này được thanh tịnh, không bị chộn rộn, dầu còn tham ái và còn sự tái sanh. Được tịnh tín, các vị này đã tự tay phục vụ [chư Thánh nhân] một cách tôn kính.

2667. Có các lậu hoặc đã được đoạn tận, có sân hận đã được tổng khứ, có phân sự đã được hoàn thành, không còn lậu hoặc, các đấng Tự Chủ không bị đánh bại đã lan tỏa với tâm từ ái.

2668. Sau khi phục vụ chư vị đã tự mình giác ngộ, tôi có được niệm, nhưng tôi đã gần kề sự chết. Và chúng tôi đã đi đến bản thể chư thiên.

2669. [Kể từ khi] tôi đã gìn giữ giới hạnh trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tự chế ngự.

2670. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đặc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pubbaṅgamiya⁹ đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

“Ký sự về Trưởng lão Pubbaṅgamiya” là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Lá cây, [các] trái cây, sự đi ra tiếp đón, vị có một bông hoa, [vị có] bông hoa maghava, người phục vụ, sự nghiệp [của chư Phật], sự xuất gia, vị phục vụ chư Phật, vị đứng đầu; [tổng cộng] có bốn mươi tám câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Paṇṇadāyaka là phần thứ hai mươi chín.

⁸ Buddhupaṭṭhāka nghĩa là “vị phục vụ (upaṭṭhāka) đức Phật (buddha).”

⁹ Pubbaṅgamiya nghĩa là “liên quan đến vị đứng đầu, vị đi (gam) ở phía trước (pubba).”